TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ C** **TỈNH CAO BẰNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 160 /2017/QĐST-HNGĐ	*Cao Bằng, ngày 01 tháng 9 năm 2017*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 130/2017/TLST/HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2017, giữa:

- **Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị D –** Sinh năm 1982

Đ/c: Tổ 11, phường T, thành phố C, tỉnh Cao Bằng

- **Bị đơn: Ông Hoàng Minh T** – Sinh năm 1969

Đ/c: Tổ 11, phường T, thành phố C, tỉnh Cao Bằng

Căn cứ vào Khoản 3, 4 Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình 2014;

Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lí và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 24 tháng 8 năm 2017.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày **24** tháng **8** năm **2017** là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

- **Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị D –** Sinh năm 1982

Đ/c: Tổ 11, phường T, thành phố C, tỉnh Cao Bằng

- **Bị đơn: Ông Hoàng Minh T** – Sinh năm 1969

Đ/c: Tổ 11, phường T, thành phố C, tỉnh Cao Bằng

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận việc thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị D và ông Hoàng Minh T

- Về con chung: Các bên thống nhất sau khi ly hôn, con chung là cháu Hoàng Nguyên S- sinh ngày 12/02/2006 (Giới tính: Nam) sẽ do bà D là người trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đủ tuổi trưởng thành. Các bên đương sự không đặt ra vấn đề trợ cấp nuôi dưỡng con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Hai bên đương sự xác nhận tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về khoản nợ chung, nợ riêng: Hai bên đương sự xác nhận không có nợ chung, nợ riêng, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về án phí:

Bà D và ông T mỗi người phải nộp 75.000 đồng *(Bảy mươi lăm nghìn đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm để sung công quỹ nhà nước. Nhưng bà D tự nguyện nộp toàn bộ số tiền án phí trên là 150.000 đồng *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)*, nay được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà D đã nộp là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai số AA/2016/0000166 ngày 07/8/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố C. Bà D đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm. Nay bà D còn được hoàn lại 150.000 đồng *(Một trăm năm mươi nghìn đồng).*

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát TPCB;
- UBND TT. Q, H. Q, Cao Bằng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lê Na